



*Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện:* Ông Hòa Quang K, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có văn bản xin xét xử vắng mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Y (Chồng bà H); Địa chỉ: Buôn E, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đỗ Anh T; Địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông YB và bà HN; địa chỉ: Buôn E, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà HY; Địa chỉ: Buôn E, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền bà HY:* anh YG: địa chỉ Buôn E, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông YK và bà HNN; Địa chỉ: Buôn E, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**\* Người kháng cáo:** Người khởi kiện bà H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau: Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Đỗ Anh T (vừa là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y) trình bày:*

Theo Quyết định hành chính bị kiện là Thông báo số: 141/TB-UBND ngày 15/5/2018 của Chủ tịch UBND huyện M về việc trả lời đơn khiếu nại của hộ bà H là không đúng quy định của pháp luật và việc Ủy ban nhân dân huyện M giữ nguyên Quyết định cấp 3 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 3 hộ dân, cụ thể giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 061961 cấp cho hộ ông YB và bà HN; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 061962 cấp cho hộ ông YK và bà HNN và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AM 061963 cấp cho hộ Y và bà H, cả 3 hộ trên cùng địa chỉ tại buôn E, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, cả 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đều do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ký ngày 20/4/2009, cấp với diện tích cho mỗi hộ là 300m<sup>2</sup> (tổng cộng là 900m<sup>2</sup>) là trái quy định của pháp Luật Đất đai năm 2003 và nay là Luật đất đai năm 2013.

Vì hiện diện tích 2.635 m<sup>2</sup> đất ở của hộ gia đình bà H có nguồn gốc là do

bố mẹ của bà H là ông YD, bà HJ khai hoang từ năm 1984, đã trồng cây mít, xoài, hoa màu trên đất. Đến khoảng năm 1992, Lâm trường huyện M (Công ty TNHH một thành viên M) lấy đất để trồng cây keo, cây bạch đàn. Đến năm 2006, khi Lâm trường khai thác cây keo, cây bạch đàn xong và không quản lý, sử dụng đất nữa thì hộ gia đình bà H lấy lại đất canh tác, sử dụng từ năm 2006 cho đến nay. Hiện nay, toàn bộ thửa đất 2.635 m<sup>2</sup> hộ gia đình bà H đã xây dựng nhà ở kiên cố, trồng cây mì, cây bạch đàn và một số cây ăn quả, xây hàng rào lưới B40 bao quanh khu đất (Riêng diện tích 900 m<sup>2</sup> đất mà Ủy ban nhân dân huyện M thu hồi và cấp cho 3 hộ dân nêu trên thì hộ bà H chỉ trồng cây mì, cây bạch đàn và một số cây ăn quả, không xây dựng công trình).

Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện M lấy 900 m<sup>2</sup> đất của hộ gia đình bà H để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 3 hộ dân là hộ ông YB, bà HN, hộ ông YK, bà HNN và hộ Y (ông Y nay đã mất), bà H là trái với quy định của pháp luật và xâm hại đến quyền lợi hợp pháp của hộ gia đình bà H. Ngoài diện tích 900 m<sup>2</sup> đã cấp bìa đỏ cho 3 hộ dân nêu trên, thì hiện nay số diện tích còn lại 1.735 m<sup>2</sup> vẫn chưa được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà H, mặc dù bà H đã làm đơn xin đăng ký kê khai. Tuy số diện tích 900m<sup>2</sup> đã cấp bìa đỏ cho 3 hộ dân nêu trên nhưng do các hộ dân không lấy đất để sử dụng mà vẫn để hộ gia đình bà H quản lý, sử dụng nên bà H không biết việc Ủy ban nhân dân huyện M lấy 900 m<sup>2</sup> và cấp cho 3 hộ dân. Đến đầu năm 2018 thì bà H mới biết nên đã làm đơn khiếu nại và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M giải quyết đơn bằng 141/TB-UBND ngày 15/5/2018.

Vì vậy, bà H làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét giải quyết như sau:

- Tuyên hủy bỏ một phần Thông báo số: 141/TB-UBND ngày 15/5/2018 của Chủ tịch UBND huyện M;
- Tuyên hủy giá trị pháp lý của 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 061961, AM 061962, AM 061963 mà Ủy ban nhân dân huyện M đã cấp vào ngày 20/4/2009 cho các hộ dân là hộ ông YB, bà HN, hộ ông YK, bà HNN và hộ Y, bà H.

*\* Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Y Bới Byă – Phó chủ tịch UBND huyện M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Khương Văn Phong, ông Nguyễn Văn Giang trình bày:*

Căn cứ vào các tài liệu mà UBND huyện M thu thập được cho thấy: Khu đất bà H có đơn khởi kiện có diện tích khoảng 2.635m<sup>2</sup>, có vị trí lô đất thuộc thửa số 103, tờ bản đồ 56 ở xã K (Đo đạc theo dự án tổng thể năm 2009), lô I, khoảnh 5, tiểu khu 749 (Theo sơ đồ thiết kế rừng trồng năm 1986) thuộc buôn E, xã K. Năm 1986, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk giao cho Lâm trường M quản lý và sử dụng trồng cây keo, cây bạch đàn đối với lô đất này và Lâm trường M có sơ đồ thiết kế rừng trồng năm 1986, ký hợp đồng trồng rừng với ông YBN, có biên bản bàn giao đất và sau đó thanh lý hợp đồng trồng rừng với ông YBN vào năm 2009. Tuy nhiên, đến năm 2006 hộ bà H Man Niê lấn chiếm đất rừng của Lâm trường M làm nhà ở trái phép và Lâm nghiệp M đã có biên bản xác minh gửi UBND xã K. Đến ngày 13/7/2006 UBND xã K đã ban hành Thông báo 09/TB-UB gửi cho bà H về việc yêu cầu bà H dừng ngay việc xây dựng công trình, nếu cố tình vi phạm thì UBND xã K có biện pháp cưỡng chế, giải tỏa.

Ngày 31/10/2008 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2897/QĐ-UBND về việc thu hồi 25.855.612m<sup>2</sup> đất của Công ty Lâm nghiệp M giao cho UBND huyện M quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và theo quy định của pháp luật; ngày 20/4/2009 UBND huyện M ban hành Quyết định số 462/QĐ-UB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây nguyên mà không có đất ở để thực hiện chương trình theo Quyết định số 132/QĐ-TTg ngày 08/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ tại xã K, Ủy ban nhân dân huyện M đã cấp đất ở cho 53 trường hợp, trong đó cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ YB là thửa số 389, tờ bản đồ số 33, diện tích 300m<sup>2</sup> đất ở nông thôn; hộ YK là thửa số 390, tờ bản đồ số 33, diện tích 300m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và hộ bà HY là thửa số 391, tờ bản đồ 33, diện tích 300m<sup>2</sup> đất ở nông thôn, cả 3 hộ trên đều trú tại buôn E, xã K, huyện M.

Kết quả làm việc với bà H thể hiện: Diện tích đất do bố, mẹ khai hoang từ năm 1984 đến năm 1989 Lâm trường M trồng cây; bà H cung cấp 01 biên bản họp gia đình ngày 20/5/2006 có các thành viên trong gia đình bà H ký tên, 01 đơn xin trình báo ngày 15/7/2006 của ông YD (Bố của bà H) với nội dung đề nghị Công ty Lâm nghiệp M' Đắc trả lại đất trồng rừng cho gia đình ông. Ngoài những giấy tờ trên bà H không cung cấp được giấy tờ gì khác để chứng minh nguồn gốc thửa đất gia đình sử dụng từ năm 1984.

Các hộ ông YB, hộ YK, hộ H cho biết: Năm 2009 sau khi được cấp GCNQSDĐ, UBND xã K đã bàn giao đất trên thực địa cho các hộ. Tuy nhiên,

khi các hộ đến nhận đất, san lấp mặt bằng để xây dựng nhà ở thì bà H ngăn cản không cho các hộ nêu trên xây dựng nhà và bà H rào toàn bộ diện tích đã cấp của 3 hộ, cho nên các hộ không làm được nhà đúng tại vị trí đã được cấp đất mà đã tìm đất nơi khác cư trú. Hiện nay, 3 hộ yêu cầu bà H phải tháo dỡ hàng rào trả lại diện tích, vị trí đất mà Nhà nước đã cấp cho họ để làm nhà ở, sử dụng ổn định thực hiện theo Chương trình 132/TTg của Thủ tướng Chính Phủ.

Về hiện trạng đất: Toàn bộ diện tích đất khoảng 2.635m<sup>2</sup> tại thửa số 103, tờ bản đồ số 56, xã K, hiện nay bà H đang rào sử dụng làm nhà ở, trồng keo mới khai thác, bao gồm cả phần diện tích 900m<sup>2</sup> cấp cho 3 hộ Y Druinh, hộ YK, hộ H mỗi hộ 300m<sup>2</sup> đất nông thôn.

Về quy hoạch sử dụng đất: Căn cứ vào Quyết định số 747/QĐ –UBND ngày 10/04/2014; Quyết định số 1338/QĐ – UBND ngày 05/6/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thì khu đất hiện nay được quy hoạch vào mục đích đất ở nông thôn.

Việc bà H yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 141/TB – UBND ngày 15/5/2018 của UBND huyện M (Thực tế đây là Quyết định giải quyết khiếu nại) và hủy 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ Y Druinh, hộ YK, hộ H là không có cơ sở; vì UBND huyện M đã kiểm tra xác minh thu thập tài liệu, giấy tờ, nguồn gốc đất đai, quá trình sử dụng đất làm cơ sở ban hành Thông báo trả lời đơn của bà H. Đối với 3 hộ được cấp đất ở thực hiện theo trình tự thủ tục, bình xét cấp Giấy chứng nhận để hoàn thành chỉ tiêu giải quyết đất ở cho đồng bào thiếu đất theo Quyết định số 132/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Đề nghị bà H trả lại diện tích 900m<sup>2</sup> đất ở đã cấp cho 3 hộ Y Druinh, hộ YK, hộ H để thực hiện chương trình 132/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đối với diện tích còn lại 1.735m<sup>2</sup>, trường hợp hộ gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, thuộc các trường hợp quy định Điều 99, 100, 101 luật Đất đai năm 2013; Điều 20, Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, được UBND xã K xét duyệt đủ điều kiện thì được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà H theo quy định.

Về việc trả lời phản hồi báo Điện tử ngày mới online (Báo người cao tuổi) UBND huyện M đã phản hồi số 967/UBND–VP về việc phản hồi thông tin báo chí phản ánh ngày 11/10/2019.

*\* Người đại diện theo ủy quyền của có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà HY là anh YG trình bày:*

Ông YK và bà HY nhận được Quyết định số 462/QĐ–UB ngày 20/4/2009 của UBND huyện M về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đồng bào dân tộc thiểu số để thực hiện chương trình theo Quyết định số 132/TTg của Thủ tướng Chính phủ tại xã K. Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện M giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 061963, thửa đất số 391, tại tờ bản đồ số 33 có địa chỉ: tại số 33, Buôn E, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk cho Ông YK (đã chết) và bà HY. Nhưng hiện nay bà H đã rào chắn không cho gia đình bà HY vào sử dụng. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất mà hiện nay gia đình bà HY đang sinh sống và đã cất nhà ở khu vực gần đó.

*\* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/8/2019, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông YB và bà HN trình bày:*

Ông YB và bà HN nhận được Quyết định 462/QĐ – UB ngày 20/4/2009 của UBND huyện M về việc cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho đồng bào dân tộc thiểu số để thực hiện chương trình theo Quyết định số 132/TTg của Thủ tướng Chính phủ tại xã K. Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 061961, thửa đất số 389, tại tờ bản đồ số 33 có diện tích 300m<sup>2</sup>, địa chỉ: tại số 33, Buôn ÊaLai, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk cho ông YB và bà HN. Ông YB và bà HN đã được UBND huyện M bàn giao đất nhưng bà H đã rào lại không thể sử dụng được nên Ông YB và bà HN đã sống nhờ đất của bà con tại buôn E, xã K, huyện M. Về vụ kiện của bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

*\* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2019, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông YK (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà HNN) trình bày:*

Ông YK và bà HNN nhận được Quyết định 462/QĐ – UB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đồng bào dân tộc thiểu số để thực hiện chương trình theo Quyết định số 132/TTg tại xã K. Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 061963, thửa đất số 390, tại tờ bản đồ số 33 có diện tích 300m<sup>2</sup>, địa chỉ: tại số 33, Buôn E, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk cho ông YK và bà HNN. Ông YK và bà HNN được UBND huyện M giao đất nhưng bà H đã rào tường rào, ông YK và bà HNN không vào sử dụng được nên Ông YK và bà HNN đã cất nhà mới tại buôn E, xã K, huyện M’Drăk và Ủy ban nhân dân huyện M có biết việc trên nhưng không có ý kiến gì. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất hiện nay gia đình ông YK và bà HNN đang sinh sống và đã cất nhà trên đó.

Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, người bị kiện giữ nguyên quan điểm.

***Với nội dung nêu trên, tại bản án hành chính sơ thẩm số 56/2019/HC-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định.***

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; Điểm a khoản 1 Điều 106 Luật đất đai năm 2003; Khoản 1 Điều 75, điểm đ khoản 1 Điều 76, Điều 99, Điều 100, Điều 101 Luật Đất Đai năm 2013; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Bác đơn khởi kiện của bà H về việc yêu cầu hủy Thông báo số 141/TB – UBND ngày 15/5/2018 của UBND huyện M về việc trả lời đơn khiếu nại của hộ bà H;

**2.** Bác đơn khởi kiện của bà H về việc yêu cầu hủy giá trị pháp lý của 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 061961, AM 061962, AM 061963 mà Ủy ban nhân dân huyện M đã cấp vào ngày 20/4/2009 cho các hộ dân là hộ ông YB, bà HN; hộ ông YK, bà HNN và hộ Y, bà H.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, bà H kháng cáo bản án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà H, ông Đỗ Anh T và Y có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại đơn khởi kiện và đơn kháng cáo bà H cho rằng diện tích 2.635 m<sup>2</sup> đất ở của hộ gia đình bà H có nguồn gốc là do bố mẹ của bà H là ông YD, bà HJ khai hoang từ năm 1984, đã trồng cây mít, xoài, hoa màu trên đất. Đến khoảng năm 1992, Lâm trường huyện M (Công ty TNHH một thành viên M) lấy đất để trồng cây keo, cây bạch đàn. Đến năm 2006, khi Lâm trường khai thác cây keo, cây bạch đàn xong và không quản lý, sử dụng đất nữa thì hộ gia đình bà H lấy lại đất canh tác, sử dụng từ năm 2006 cho đến nay. Hiện nay, toàn bộ thửa đất 2.635 m<sup>2</sup> hộ gia đình bà H đã xây dựng nhà ở kiên cố, trồng cây mì, cây bạch đàn và một số cây ăn quả, xây hàng rào lưới B40 bao quanh khu đất (Riêng diện tích 900 m<sup>2</sup> đất mà Ủy ban nhân dân huyện M thu hồi và cấp cho 3 hộ dân nêu trên thì hộ bà H chỉ trồng cây mì, cây bạch đàn và một số cây ăn quả, không xây dựng công trình).

Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện M lấy 900m<sup>2</sup> đất của hộ gia đình bà H để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 3 hộ dân là hộ ông YB, bà HN, hộ ông YK, bà HNN và hộ Y (ông Y nay đã mất), bà H là trái với quy định của pháp luật

Vì vậy, bà H yêu cầu hủy bỏ một phần Thông báo số: 141/TB-UBND ngày 15/5/2018 của Chủ tịch UBND huyện M; hủy giá trị pháp lý của 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 061961, AM 061962, AM 061963 mà Ủy ban nhân dân huyện M đã cấp vào ngày 20/4/2009 cho các hộ dân là hộ ông YB, bà HN, hộ ông YK, bà HNN và hộ Y, bà H.

[2] Xét thấy: Hộ gia đình bà H cho rằng toàn bộ diện tích 2.635m<sup>2</sup> đất (trong đó, có các thửa đất diện tích 900m<sup>2</sup> đã cấp cho 3 hộ dân nêu trên) là do bố mẹ là ông YD, bà HJ khai hoang từ năm 1984, đã trồng cây mít, xoài, hoa màu trên đất. Tuy nhiên, thực tế hộ gia đình bà H không có giấy tờ về nguồn gốc đất.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện: diện tích đất trên vào năm 1986, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk giao cho Lâm trường M (Công ty Lâm nghiệp M) quản lý và sử dụng để trồng cây keo, cây bạch đàn đối với lô đất này và Lâm trường M có sơ đồ thiết kế rừng trồng năm 1986, trong diện tích đất đó có ký hợp đồng trồng rừng với hộ ông YBN và đến năm 2009 thì thanh lý hợp đồng với hộ ông YBN. Ngày 31/10/2008 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2897/QĐ-UBND về việc thu hồi 25.855.612m<sup>2</sup> đất (trong đó, có



thửa đất diện tích 2.635m<sup>2</sup> mà hộ bà H đang sử dụng và có 900m<sup>2</sup> đất đã cấp cho 3 hộ dân) của Công ty Lâm nghiệp M và giao cho UBND huyện M quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và theo quy định của pháp luật; Sau khi thu hồi đất, để thực hiện chương trình theo Quyết định số 132/QĐ-TTg ngày 08/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây nguyên mà không có đất ở, thì ngày 20/4/2009 UBND huyện M ban hành Quyết định số 462/QĐ-UB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ tại xã K với 53 hộ dân, trong đó cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ YB là thửa số 389, tờ bản đồ số 33, diện tích 300m<sup>2</sup> đất ở nông thôn; hộ YK là thửa số 390, tờ bản đồ số 33, diện tích 300m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và hộ bà HY là thửa số 391, tờ bản đồ 33, diện tích 300m<sup>2</sup> đất ở nông thôn, cả 3 hộ trên đều trú tại buôn E, xã K, huyện M.

Năm 2006 khi hộ gia đình bà H sử dụng lại thửa đất để xây dựng công trình và trồng cây trên đất thì Ủy ban nhân dân xã K có Thông báo 09/TB-UB gửi cho bà H về việc yêu cầu bà H dừng ngay việc xây dựng công trình, nếu có tình vi phạm thì UBND xã K có biện pháp cưỡng chế, giải tỏa (BL 82).

[3] Từ những viện dẫn nêu trên thấy rằng: diện tích đất 900m<sup>2</sup> mà Ủy ban nhân dân huyện M làm thủ tục và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ba hộ là hộ Y Druinh, hộ YK, hộ H vào năm 2009 là phù hợp với quy định của pháp luật do ba hộ dân này hộ đồng bào dân tộc tại chỗ và không có đất ở. Đồng thời thửa đất này, trước đó vào năm 2008 diện tích đất nói trên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk có Quyết định thu hồi và giao lại cho Ủy ban nhân dân huyện M quy hoạch và quản lý (BL 88). Do đó, hộ bà H cho rằng thửa đất có diện tích 900m<sup>2</sup> là đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ gia đình bà H là không có cơ sở. Bản án sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện của bà H là có căn cứ đúng pháp luật. Bà H kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới để chứng minh kháng cáo của mình là có cơ sở do vậy đơn kháng cáo của bà H là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Án phí: Bà H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà H.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2019/HC-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; Điểm a khoản 1 Điều 106 Luật đất đai năm 2003; Khoản 1 Điều 75, điểm đ khoản 1 Điều 76, Điều 99, Điều 100, Điều 101 Luật Đất Đai năm 2013; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Bác đơn khởi kiện của bà H về việc yêu cầu hủy Thông báo số 141/TB – UBND ngày 15/5/2018 của UBND huyện M về việc trả lời đơn khiếu nại của hộ bà H;

**2.** Bác đơn khởi kiện của bà H về việc yêu cầu hủy giá trị pháp lý của 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 061961, AM 061962, AM 061963 mà Ủy ban nhân dân huyện M đã cấp vào ngày 20/4/2009 cho các hộ dân là hộ ông YB, bà HN; hộ ông YK, bà HNN và hộ Y, bà H.

**3.** Về án phí: Bà H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0007435 ngày 17/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Xuân Thành**